

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 294/2019/DS-PT
Ngày 05 – 11 – 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Út

Ông Phạm Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Bạch – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 10 và ngày 05 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 232/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 226/2019/QĐ-PT ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Hồng T1, sinh năm 1957 (Có mặt)

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Hồng T1: Ông Trần Dân Q, là Luật sư của Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh C (Có mặt).

- Bị đơn: Bà Tôn Điền T2, sinh năm 1985;

Địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C .

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Tôn Điền T2: Ông Tôn Quang H, sinh năm 1953; địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C, (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Việt L (Nguyễn Thanh L, Nguyễn Văn L), sinh năm 1960;

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông L: Bà Phan Hồng T1.

Cùng địa chỉ: đường T, khóm 5, phường 8, thành phố C, tỉnh C .

2. Công ty cổ phần KL;

Địa chỉ: Khóm 7, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Do ông Ngô Chí D, chức vụ: Giám đốc đại diện theo pháp luật (Vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân thành phố C.

Địa chỉ: Ngõ Q, khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C: Bà Lê Thị Bích N, chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố C, (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Phan Hồng T1, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo bà Phan Hồng T1 trình bày:*

Vào năm 1991, bà T1 và chồng là ông Nguyễn Việt L có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Minh Đ phần đất diện tích 207m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C. Phần đất giáp ranh đất ông Lê Văn M chạy dài đến cặp vách Xí nghiệp gỗ, việc chuyển nhượng được lập thành văn bản có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố C. Khi làm hồ sơ chuyển nhượng không có tiến hành đo đạc mà chỉ xác định ranh giới ngang từ vách xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi đến giáp vách nhà của ông Lê Văn M, chiều dài 13,8m.

Năm 1993, bà T1, ông L có làm đơn yêu cầu hợp thức hoá phần đất, đến ngày 28/5/1993 được Sở xây dựng Minh Hải cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà đất, phần đất ngang 15m, dài 13,8m, có tứ cận: Phía Đông giáp xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi (nay là Công ty cổ phần KL), phía Tây giáp nhà ông Nguyễn Văn M (Lê Văn M), phía Nam giáp nhà bà Y (Lê Thị Y), phía Bắc giáp sông Giồng Kè.

Năm 1997, toàn bộ phần đất vợ chồng bà được cấp giấy chứng nhận đã bị cơ quan thi hành án kê biên để trả nợ cho ông Huỳnh Minh T. Phần còn lại là 92,46m² bà có cho ông Trần Văn Đ1, bà H, bà L, ông Th, ông Nh mượn ở tạm, có giao kèo khi nào bà cần sẽ trả lại. Phần đất ông Đ1 mượn kích thước dài 3m, ngang 5,8m. Khi bà Tôn Điền T2 mua lại phần kiến trúc căn nhà của con ông Trần Văn Đ1 là bà Trần Thị Ngọc M1 thì bà T1 mới phát hiện và ngăn cản nên xảy ra tranh chấp.

Năm 2015, bà Hồng T1, ông L có khởi kiện bà Tôn Điền T2 ra Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau về việc tranh chấp phần đất nêu trên nhưng do chưa xác định được ranh mốc phần đất vì có liên quan đến Công ty cổ phần KL nên bà rút đơn khởi kiện và Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án.

Nay bà Hồng T1 khởi kiện yêu cầu bà Tôn Điền T2 tháo dỡ nhà đã cất lấn chiếm, trả lại cho bà diện tích đất theo đo đạc thực tế 19,2m² (ngang 3,10m, dài 6,21m) tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

- *Theo ông Tôn Quang H trình bày:*

Nguồn gốc căn nhà và đất hiện nay bà Tôn Điền T2 đang quản lý sử dụng kích thước ngang 4,2m, chiều dài 20m là của Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi cất để cho công nhân viên ở trên phần đất cặp xí nghiệp vào năm 1980.

Đến năm 2011, bà Trần Thị Ngọc M1 bán phần kiến trúc căn nhà lại cho con ông là bà Tôn Điền T2, khi chuyển nhượng chỉ có chuyển nhượng phần kiến trúc căn nhà, không có sang nhượng đất. Từ khi chuyển nhượng bà Tôn Điền T2 quản lý, sử dụng cho đến nay. Ông xác định phần đất bà Minh cất nhà bán cho bà Tôn Điền T2 là phần đất do Nhà nước quản lý, khi nào Nhà nước yêu cầu di dời nhà thì bà Tôn Điền

T2 di dời trả lại đất cho Nhà nước. Đối với bà Phan Hồng T1 yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp, bà Tôn Điền T2 không đồng ý.

- Theo ông Ngô Chí D trình bày:

Trước đây Công ty với bà Phan Hồng T1 chưa xác định ranh giới đất nên không biết phần đất tranh chấp có thuộc diện tích của Công ty hay không. Hiện các bên đã xác định được ranh giới thửa đất, phần đất tranh chấp giữa bà Phan Hồng T1 với bà Tôn Điền T2 không thuộc phần đất của Công ty quản lý sử dụng, không liên quan đến Công ty nên xin vắng không tham gia tố tụng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 110/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng T1 đối với bà Tôn Điền T2 về việc yêu cầu bà Tôn Điền T2 tháo dỡ toàn bộ kiến trúc trả lại diện tích đất 19,2m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2019, bà Phan Hồng T1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà Tôn Điền T2 tháo dỡ toàn bộ kiến trúc trả lại diện tích đất 19,2m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C. Nếu trường hợp không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà thì xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phan Hồng T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Hồng T1 phát biểu: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đ chuyển nhượng cho bà Phan Hồng T1 vào năm 1991; đến năm 1993 bà T1 kê khai cấp quyền sử dụng đất nhưng chỉ được cấp diện tích 113,71m², phần còn lại không có văn bản thu hồi, không biết vì sao không được cấp quyền sử dụng. Theo xác nhận của ông Trương Hoàng Giao, phần đất này trước đây chỉ làm mương thủy lợi tạm thời; ông Đường đã chuyển nhượng hết phần đất này cho ông L. Ông D cũng xác định phần đất này không phải là đất của Công ty KL; theo sổ mục kê năm 2009 ông L đã đăng ký phần đất diện tích 104,7m². Năm 2013, khi xây dựng tuyến đường Trương Phùng Xuân, Ủy ban nhân dân phường 8 đã vận động bà T1 làm giấy cam kết hiến đất để xây dựng tuyến đường. Như vậy, chứng minh phần đất tranh chấp là của bà Phan Hồng T1. Do đó, kiến nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T1, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng T1.

Bà Phan Hồng T1 không có ý kiến bổ sung.

Ông H phát biểu: Phần đất bà Tôn Điền T2 sử dụng hiện nay bà Phan Hồng T1 tranh chấp là phần đất trước đây ông Đường hiến cho Nhà nước làm kênh thủy lợi, do Nhà nước quản lý, chứ không phải là đất của bà Phan Hồng T1. Do đó, ông không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà Phan Hồng T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phan Hồng T1 không đồng ý với án sơ thẩm đã tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồng T1 yêu cầu bà Điền T2 trả bà Hồng T1 phần đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 19,2m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C. Vì bà Hồng T1 cho rằng vào ngày 07/10/1992, vợ chồng bà Hồng T1 nhận chuyển nhượng phần đất của ông Huỳnh Minh Đ lấy ranh từ vách nhà ông Nguyễn Văn M chạy dài tới cặp ranh Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi (nay là công ty KL), sau đó vợ chồng bà Hồng T1 có bồi hoàn thêm 02m cụ thể dài 4m ngang 13,8m. Đến ngày 04/01/1993 bà Hồng T1 có làm đơn xin hợp thức hóa nhà đất với diện tích 207m², do hoàn cảnh khó khăn và do chưa xác định được cụ thể ranh với Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi lúc đó nên khi đó bà Hồng T1 chỉ được cấp giấy đối với diện tích 113,71m² phần đất còn lại 92,46m² bà Hồng T1 cho 03 hộ là ông Đ1, bà H, ông Đ mượn khi nào cần thì trả lại. Đối với phần đất ông Đ1 mượn sử dụng, ông Đ1 cho lại con là bà M, bà M chuyển nhượng lại cho bà Điền T2. Ông H cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đ1 hiến cho Nhà nước làm kênh thủy lợi và đã bàn giao lại cho Nhà nước quản lý, bà Điền T2 chỉ mua kiến trúc căn nhà, còn phần đất vẫn là của Nhà nước. Ông H không đồng ý trả đất theo yêu cầu bà Hồng T1. Xét kháng cáo của bà Phan Hồng T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2] Qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Vào năm 1992, ông Đ có chuyển nhượng 01 phần đất cho ông Nguyễn Thanh L chỉ ghi diện tích chạy dài từ vách nhà ông M đến Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi mà không ghi cụ thể diện tích là bao nhiêu. Đến ngày 04/01/1993, bà Hồng T1 có làm đơn xin hợp thức hóa nhà đất và được Sở xây dựng xác minh hiện trạng nguồn gốc đất thực tế và xác định hiện trạng nhà và đất tổng cộng là 113,71m², bà Hồng T1 được Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/5/1993, diện tích 113,71m² (kích thước ngang 8,3m; dài 13,7m). Theo họa đồ ranh đất Sở Xây dựng tỉnh Minh Hải cấp cho bà Hồng T1 vào năm 1993 thể hiện 04 phía tiếp giáp không có phía nào giáp với phần đất còn lại của bà Hồng T1. Như vậy, chứng minh phần đất bà Hồng T1 chỉ có diện tích là 113,71m².

[3] Hơn nữa vào năm 1997, toàn bộ phần đất của bà Hồng T1 được cấp quyền sử dụng diện tích 113,71m² đã bị cơ quan Thi hành án thành phố Cà Mau kê biên để thi hành án giao cho ông Huỳnh Minh T3. Sau khi bị kê biên tài sản trên để thi hành án, bà Hồng T1 và ông L không còn nhà đất, nên ông L đã cho bà T1 và ông L căn nhà để ở. Đến năm 2007, do ông L không còn tài sản để thi hành án cho ông T3 nên ông T3 đã làm giấy xóa nợ cho ông L.

[4] Đối với căn nhà và đất của bà Điền T2 đang quản lý sử dụng có nguồn gốc trước đó là của ông Trần Văn Đ1 (cha của bà Minh) được Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi cấp. Đến năm 2003, ông Đ1 cho lại bà M. Đến ngày 05/4/2011, bà M bán căn nhà lại cho bà Điền T2 nhưng không có chuyển nhượng đất.

[5] Theo Công văn số 14/CV-UB ngày 27/3/2015 và số 33/UB ngày 14/9/2015 của Ủy ban nhân dân phường 8, thành phố Cà Mau xác định: Vào năm 1978, ông Đ có hiến cho Nhà nước phần đất để đào kênh cho xuống, ghe của nhân dân đi lại thuận lợi (gọi kênh thủy lợi) giáp xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi và giáp với phần đất của ông Đường đã chuyển nhượng cho vợ chồng bà Hồng T1. Điều này phù hợp với xác nhận của ông Trương Anh T4 người chỉ huy đào con kênh thủy lợi và ông Ngọc Th là người xác nhận giấy chuyển nhượng của vợ chồng bà T1 với ông Đường vào năm 1991. Mặt khác, những người dân tham gia trực tiếp đào kênh và những người dân sống xung quanh (gần xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi) thuộc khóm 4, khóm 5, phường 8, thành phố Cà Mau đều xác nhận việc cấp xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi là có con kênh thủy lợi dùng để dẫn nước tưới tiêu làm nông nghiệp, nhưng sau này không sử dụng nữa nên đã bị bồi đắp. Hơn nữa, phần đất tranh chấp này bà Hồng T1 đã 02 lần khởi kiện bà Điền T2, nhưng sau đó rút đơn khởi kiện, được Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số:113/2015/QĐST-DS ngày 04/12/2015 và Quyết định số:178/2017/DS-ST ngày 14/11/2017. Do vậy, không có cơ sở cho rằng bà Điền T2 lấn chiếm phần đất của bà Hồng T1.

[6] Đối với phần đất của Công ty KL đang quản lý, sử dụng: Theo quyết định giao đất số 316/QĐ/UB ngày 05/12/1991 của Ủy ban nhân dân tỉnh Minh Hải thu hồi đất của Công ty Lâm sản Xuất nhập khẩu để giao cho Lâm Ngư Trường Tam Giang III (Xí nghiệp Nguyễn Văn Trỗi) quản lý sử dụng diện tích 6.124m². Theo bản đồ và sổ mục kê năm 1998, là toàn bộ phần đất mà hiện nay được chỉnh lý sổ mục kê đất đai năm 2009 tại tờ bản đồ số 09 thể hiện những người đang thực tế quản lý sử dụng gồm: Hộ ông Nguyễn Văn L (bà Phan Hồng T1) thửa số 01 diện tích 104,7m²; Hộ bà Nguyễn Thị H thửa số 02 diện tích 42,0m²; Hộ ông Nguyễn Việt L (bà Phan Hồng T1) thửa số 03 diện tích 42,0m²; Hộ ông Bùi Minh Đ thửa số 04 diện tích 33,2m²; Hộ bà Trần Thị Ngọc M thửa số 07 diện tích 42,0m². Theo bản vẽ thẩm định đo đạc ngày 18/3/2019 thể hiện phần đất của các hộ nêu trên đang quản lý sử dụng phần đất là của Công ty cổ phần KL. Như vậy phần đất còn lại giáp ranh với Công ty cổ phần KL là con kênh thủy lợi do những hộ này coi nơi theo như lời trình bày của ông H là có cơ sở.

[7] Đối với Tờ Cam kết hiến đất của bà Hồng T1 năm 2013: Tại Công văn số 93/UBND-NC ngày 04/11/2019 của Ủy ban nhân dân phường 8 xác định: Vào năm 2013, thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M về việc đầu tư xây dựng tuyến đường Trương Phùng Xuân thuộc khóm 2, 3, 4 và 5 phường 8, thành phố Cà Mau với phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm. Trong đó, Nhà nước đầu tư kinh phí xây dựng, các hộ dân trên tuyến đường góp đất bàn giao mặt bằng. Từ đó, Ủy ban nhân dân phường 8 chỉ đạo cho Trưởng khóm 2, 3, 4 và 5 để tiến hành họp dân (thường trú và tạm trú) trên tuyến đường Trương Phùng Xuân thuộc khóm 2, 3, 4 và 5 để triển khai chủ trương xây dựng đường đến tất cả các hộ dân trên tuyến, yêu cầu tất cả các hộ dân trên tuyến đường này đều phải thống nhất và ký vào tờ cam kết góp đất để Nhà nước xây dựng đường. Trong quá trình tổ chức họp dân có hộ bà Phan Hồng T1.

Việc ký cam kết nhằm làm cơ sở để bổ sung hồ sơ triển khai thực hiện dự án, không khẳng định đây là phần đất thuộc quyền quản lý của bà Hồng T1.

[8] Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng T1 là có căn cứ. Về án phí dân sự sơ thẩm, tuy bà Phan Hồng T1 là người cao tuổi, nhưng cấp sơ thẩm đã giải thích cho bà làm đơn xin miễn án phí nhưng bà không thực hiện, nên án sơ thẩm buộc bà phải chịu án phí là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm cũng đã giải thích cho bà làm đơn xin miễn án phí nhưng bà cũng không thực hiện, nên không có cơ sở để miễn án phí cho bà. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Hồng T1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau là phù hợp.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm bà Phan Hồng T1 phải chịu theo quy định pháp luật.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phan Hồng T1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 110/2019/DS-ST ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Hồng T1 đối với bà Tôn Điền T2 về việc yêu cầu bà Tôn Điền T2 tháo dỡ toàn bộ kiến trúc trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 19,2m² tọa lạc tại khóm 4, phường 8, thành phố C, tỉnh C.

(Có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Án phí dân sự sơ thẩm bà Phan Hồng T1 phải chịu số tiền 1.152.000 đồng. Ngày 05/12/2017, bà Phan Hồng T1 đã dự nộp số tiền 600.000 đồng theo Biên lai thu số 0000067 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, đối trừ bà Phan Hồng T1 còn phải nộp tiếp số tiền 552.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm bà Phan Hồng T1 phải chịu số tiền 300.000 đồng. Ngày 08/8/2019, bà Phan Hồng T1 đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000568 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ, chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập

Các thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Văn Út - Phạm Việt Trung

Nguyễn Thành Lập

